



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN 17.04.2026

## BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

### I. Thông tin mẫu:

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

2. Mã mẫu:

07.04.26.A9 (M1): Vòi phát Trạm Cấp nước Tây Sơn

07.04.26.A10 (M2):GD Vũ Ngọc Trai - thôn Thống Nhất - phường Trần Lãm - tỉnh Hưng Yên

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Trạm cấp nước Tây Sơn

5. Địa chỉ: Thôn Hoa Nam – Phường Trần Lãm – Tỉnh Hưng Yên

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Nguyễn Văn Quang

7. Ngày nhận mẫu: 07/04/2026

8. Thời gian thí nghiệm: 07/04/2026

### II. Kết quả phân tích:

#### 1. Chỉ tiêu hóa lý:



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả		Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2		
1.	Màu sắc (*)	Hach Method 8025 (LoD= 1.13)	KPH	KPH	mg/L Pt-Co	15
2.	Mùi vị	Cảm quan	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	/	Không có mùi lạ
3.	pH (*)	TCVN 6492:2011	7.77	7.75	/	6.0 → 8.5
4.	Độ đục (*)	TCVN 12402-1:2020	0.393	0.168	NTU	2
5.	Clo dư (*)	Hach Method 8021 (LoD= 0.05)	0.38	0.32	mg/L	0.2 → 1.0
6.	Sắt (Fe) (*)	Hach Method 8008 (LoD= 0.012)	< 0.041	< 0.041	mg/L	0.3
7.	Mangan (Mn) (*)	Hach Method 8149 (LoD= 0.006)	< 0.018	< 0.018	mg/L	0.1
8.	Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*)	TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02)	100	100	mg/L	300
9.	Hàm lượng Amoni (*)	Hach Method 8038 (LoD= 0.02)	KPH	KPH	mg/L	1

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. "\*" Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. "\*\*\*" Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 2 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: www.capnuocthaibinh.com

Số phiếu kết quả: 03/KQXN 17.04.2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả		Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2		
10.	Nitrit ( NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup>	Hach Method 8507 ( LoD= 0.0015)	< 0.0052	< 0.0052	mg/L	0.9
11.	Hàm lượng Sulfate (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> ) <sup>(*)</sup>	Hach Method 8051 ( LoD= 1.22)	8	8	mg/L	250
12.	Chỉ số Pecmanganat <sup>(*)</sup>	TCVN 6186:1996 ( LoD= 0.10)	0.38	< 0.34	mg/L	2
13.	Hàm lượng muối Clorua <sup>(*)</sup>	TCVN 6194:1996 ( LoD= 1.20)	7.8	8.51	mg/L	250 hoặc 300
14.	Hàm lượng Asen <sup>(**)</sup>	SMEWW3114 B:2023	< 0.3x10 <sup>-3(b)</sup>	< 1.0x10 <sup>-3(a)</sup>	mg/L	0.01

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp	Kết quả		Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT
			M1	M2		
1.	Coliform <sup>(**)</sup>	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1
2.	E.coli <sup>(**)</sup>	TCVN6187-1:2019	KPH	KPH	CFU/100ml	< 1

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện ( Kết quả dưới mức LoD).
- LoD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử
- LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử
- Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/ 100ml

Hưng Yên, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**



**Trần Văn Đức**

**Nguyễn Trung Kiên**

**Phùng Thị Thu Hà**

- Lưu ý:**
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới, mọi thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
  2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.
  3. “\*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.
  4. “\*\*” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.